

Số: /BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO
**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã Vĩnh Hải năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/ 2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/04/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành 13 chỉ tiêu thuộc 6 tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-UBND 13/01/2017 của UBND thị xã Vĩnh Châu về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 72/KH-UBND 28/12/2016 UBND thị xã Vĩnh Châu về việc phát động Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Vĩnh Hải tại Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15/6/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Vĩnh Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã. UBND thị xã Vĩnh Châu báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Vĩnh Hải năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 15/6/2020 đến ngày 16/6/2020)

1. Về hồ sơ

- Số lượng gồm: 6 loại văn bản, mỗi loại 2 bản chính.
- + Tờ trình của UBND xã Vĩnh Hải về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- + Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.
- + Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã.
- + Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- + Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Vĩnh Hải.
- + Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã (In màu).

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xác định công tác quy hoạch là tiêu chí đầu tiên, quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới, Ban Chỉ đạo xã đã phối hợp với phòng Quản lý đô thị, các đơn vị tư vấn và các phòng, ban có liên quan thực hiện rà soát, lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới và đã được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 đồng thời tổ chức công bố, công khai quy hoạch chung nông thôn mới được duyệt tới các ấp.

- Các nội dung đã thực hiện: Rà soát, lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, tổ chức công bố, công khai quy hoạch, xây dựng quy chế quản lý quy hoạch được duyệt.

- Khối lượng thực hiện:

- + Quy hoạch nông thôn mới được UBND thị xã phê duyệt.
- + Duy trì tốt việc niêm yết các bản vẽ quy hoạch tại các điểm thuận lợi cho người dân quan sát như: Nhà văn hóa xã, khu vực chợ Vĩnh Hải.
- + Công tác thực hiện cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo kế hoạch dự kiến đầu tư xây dựng của xã theo quy hoạch: Đang làm hồ sơ.
- + Quy chế quản lý quy hoạch được UBND thị xã phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 31/12/2014.

- Kinh phí thực hiện: 150 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Đạt

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Tỷ lệ đường trục ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm $\geq 50\%$.

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100% (trong đó cứng hóa $\geq 30\%$).

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm $\geq 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Giao thông là một trong những điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển của địa phương, trước khi thực hiện chương trình các tuyến lộ giao thông trục ấp, liên ấp chủ yếu là lộ đal 2m và một số là lộ đất chưa được cứng hóa, gây cản trở tới việc vận chuyển hàng hóa của người dân. Nhờ sự đầu tư của Nhà nước từ các chương trình dự án, sự đồng thuận của người dân được thể hiện qua việc hiến đất, ngày công, hoa màu, vật kiến trúc... cùng với sự giám sát chặt chẽ từ các công đoạn thi công của cộng đồng dân cư trong khuôn khổ dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù, đến nay các tuyến lộ nông thôn trục xã cơ bản đạt 100% và đường trục ấp đạt 97,51%.

- Các nội dung đã thực hiện: xã có 5 tuyến đường trục xã và liên xã, với chiều dài 22,4km, đã thực hiện và có chủ trương đầu tư đạt 100%; có 17 tuyến đường trục ấp và liên ấp, với chiều dài 24,1km, đã thực hiện 23,5km, đạt 97,51%, trong đó: mặt đường đạt chuẩn cấp C là 8,2km đạt 34,02%, chiều dài mặt đường chưa đạt là 15,9km, đã lập kế hoạch đầu tư nâng cấp mở rộng trong giai đoạn 2020-2025.

- Khối lượng thực hiện:

+ Đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện có 05 tuyến với chiều dài theo quy hoạch là 22,4 km, kết quả thực hiện và có chủ trương đầu tư với chiều dài là 22,4 km, đạt 100%.

+ Đường trục ấp và liên ấp theo quy hoạch trên địa bàn xã có 17 tuyến với chiều dài 24,1 km, kết quả thực hiện với chiều dài 23,5 km, đạt 97,51%.

- Kinh phí đã thực hiện: 44 tỷ 365 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 2 về Giao thông: Đạt

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Nhằm phục vụ tốt cho nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp của địa phương. Toàn xã có 38 tuyến kênh với chiều dài 69,4km, hàng năm các hệ thống thủy lợi được quan tâm đầu tư nạo vét, công tác thủy lợi nội đồng được người dân tham gia tốt, hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu giao, 6/6 công trình cống được kiên cố hóa, dự án đê biển với chiều dài 2,5km cũng đang trong quá trình thi công cứng hóa mặt đê. Tất cả các công trình thủy lợi đều đã bàn giao cho đoàn thể các ấp quản lý và sử dụng; UBND xã đã thành lập Ban chỉ huy và đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hàng năm có xây dựng kế hoạch và kiện toàn thường xuyên, đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên; đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên: Có hệ thống nội đồng đảm bảo tưới, tiêu tới mặt ruộng; có hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt, được nạo vét, sửa chữa, bồi đắp, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo phát huy trên 80% năng lực thiết kế; có tổ chức (ấp) làm công tác quản lý, khai thác, bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi hoạt động có hiệu quả phục vụ sản xuất, được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận.

+ Hệ thống thủy lợi đảm bảo tạo nguồn cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh: Có đầu tư nạo vét kênh tạo nguồn, hệ thống nội đồng đảm bảo cấp nước tới mặt ruộng; có hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo cung cấp nguồn nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; có khả năng cấp nước khi nắng kéo dài khoảng 20 ngày.

+ Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã sát với tình hình thiên tai tại địa phương và được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thành lập và kiện toàn BCH Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã theo Luật Phòng, chống thiên tai.

+ Tập huấn kiến thức phòng, chống thiên tai đối với cộng đồng.

+ Có đội xung kích phòng, chống thiên tai và cứu hộ, cứu nạn được tập huấn kiến thức về cứu hộ, cứu nạn và duy trì hoạt động thường xuyên.

+ Đảm bảo các điều kiện để truyền tải và cung cấp thông tin cảnh báo thiên tai kịp thời đến người dân.

+ Đã tham dự diễn tập điểm tại xã Vĩnh Hiệp năm 2017, xã Hòa Đông năm 2019 về công tác phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.

+ Tất cả các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai đã được kiểm tra, phát hiện và xử lý.

- Kinh phí đã thực hiện: 23 tỷ 724 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 3 về Thủy lợi: Đạt.

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Có tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Cải tạo chỉnh trang các tuyến hiện có, xây dựng mới tuyến trung thế và hạ thế, đưa điện đến khắp các hộ, vận động người dân đầu nối đồng hồ điện, kết hợp với dự án hỗ trợ Điện cho đồng bào dân tộc khmer.

- Các nội dung đã thực hiện: Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98%.

- Khối lượng thực hiện:

+ Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định.

+ Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 98%.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 4 về Điện: Đạt.

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia đạt từ 70% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trước đây các điểm trường chính và điểm trường lẻ cơ sở vật chất thiếu thốn, không đạt chuẩn, trong những năm qua, được sự quan tâm từ các cấp, các ngành, đã huy động, lồng ghép mọi nguồn lực từ các chương trình, dự án khác để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa cơ sở vật chất các điểm trường đạt chuẩn theo quy định.

- Các nội dung đã thực hiện: Có 03 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, gồm: Trường Mầm non Vĩnh Hải, Trường Tiểu học Vĩnh Hải 3,

Trường Tiểu học Vĩnh Hải 4. Trường Trung học cơ sở Vĩnh Hải đang khởi công xây dựng và đã hoàn thành trên 50% khối lượng công trình.

- Khối lượng thực hiện: Có 4/5 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, đạt tỷ lệ 80%.

- Kinh phí đã thực hiện: 33 tỷ 833 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 5 về Trường học: Đạt.

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác xã hội hóa là một trong những nội dung cần thiết, nhằm duy trì và phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hoạt động vui chơi, giải trí thu hút nhân dân trên địa bàn tham gia. Các phong trào của Hội đoàn thể ngày càng được quan tâm, được đoàn viên, hội viên đồng thuận hưởng ứng. Các Nhà văn hóa xã, ấp không chỉ là nơi hội họp mà còn là nơi gặp gỡ, giao lưu văn hóa, văn nghệ của bà con địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa có bộ phận vui chơi giải trí trong nhà và ngoài trời, nơi luyện tập sinh hoạt văn nghệ. Trong đó có phòng đọc sách, báo, thư viện; phòng hành chính; phòng thông tin truyền thanh; phòng câu lạc bộ. Hội trường là nơi hội họp xem biểu diễn văn nghệ, quy mô 150 chỗ ngồi. 8/8 ấp có nhà văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, được trang bị bàn, ghế, giá, tủ, cờ tổ quốc, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí, bảng tin, nội quy hoạt động...

- Khối lượng thực hiện:

+ Hội trường Nhà văn hóa đa năng với 150 chỗ ngồi và có đầy đủ trang thiết bị như: Bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, đài truyền thanh,... Nhà văn hóa đa năng gồm có 4 phòng chức năng như: phòng đọc sách, báo, thư viện; phòng hành chính; phòng thông tin truyền thanh; phòng câu lạc bộ. Các công trình thể thao trên địa bàn xã gồm: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bi sắt, sân cầu lông,... Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể thao và các môn thể thao của xã.

+ Hiện xã có điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi được xây dựng trong khuôn viên trụ sở xã. Bên cạnh đó, trẻ em và người cao tuổi của địa

phương còn chọn các điểm trường, các điểm chùa, v.v... để vui chơi, giải trí và tập luyện thể thao. Ngoài ra, xã còn có Câu lạc bộ Đờn ca tài tử của Hội Người cao tuổi xã thành lập để cho các hội viên có nơi giải trí vào các ngày cuối tuần, các dịp lễ tết. Nhìn chung, cơ sở vật chất và trang thiết bị của các điểm vui chơi, giải trí trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi của địa phương. Thời gian để sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em là 25% và người cao tuổi là 15%.

+ Xã có 100% ấp có nhà văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. Quy mô xây dựng: Hội trường Nhà văn hóa đa năng với 55 chỗ ngồi và có đầy đủ trang thiết bị như: Bàn, ghế, giá, tủ, cờ tổ quốc, cờ Đảng, ảnh Bác Hồ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí, bảng tin, nội quy hoạt động, v.v... Ngoài ra, các ấp còn có các công trình thể thao phù hợp với phong trào thể thao ở địa phương như: Sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bi sắt,...

- Kinh phí đã thực hiện: 1 tỷ 202 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa: Đạt.

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

Xã được công nhận đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong ba nội dung:

- Có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đạt 100% chỉ tiêu loại A, 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm a, tiêu chí 7
- Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Có siêu thị mini đạt 100% chỉ tiêu loại A và 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm b, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Có cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt 100% chỉ tiêu loại A và 50% chỉ tiêu loại B trở lên quy định tại điểm c, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trên địa bàn xã có 01 chợ Trung tâm xã và 2 chợ tự phát tại khu vực Cầu Ngang và Giồng Chùa. Trong những năm qua từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh và nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2017 của UBND thị xã đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa chợ trung tâm xã và các công trình phụ trợ tại chợ tương đối đạt yêu cầu.

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng thành 03 khu buôn bán: khu kiốt; khu vực buôn bán có sạp ngồi; khu vực buôn bán hàng thủy sản tự tiêu.

- Khối lượng thực hiện: Hiện nay, trên địa bàn xã có chợ nông thôn trong quy hoạch được UBND thị xã phê duyệt, đạt 100% chỉ tiêu loại A và 100% chỉ tiêu loại B quy định tại điểm a, tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Kinh phí đã thực hiện: 649 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt.

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ bưu chính: Có ít nhất một điểm phục vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định.

- Xã có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định.

- Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn theo quy định.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Khuyến khích các hộ dân trong xã có điều kiện đầu tư kinh doanh dịch vụ internet nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng tiếp cận thông tin từ internet. Đưa điểm truy cập Internet đến 8/8 ấp; các hệ thống loa phát thanh được quan tâm đầu tư; máy móc trang thiết bị của cán bộ, công chức xã được kết nối internet và sử dụng hệ thống văn bản quản lý điều hành.

- Các nội dung đã thực hiện: Duy trì điểm phục vụ bưu chính, viễn thông, hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu của người dân; hệ thống loa hoạt động, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền của địa phương; trang thiết bị máy móc phục vụ trong công tác quản lý điều hành được đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu.

- Khối lượng thực hiện:

+ Xã Vĩnh Hải có điểm Bưu điện văn hóa xã đang hoạt động, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương. Điểm Bưu điện văn hóa xã có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương, có treo biển tên điểm phục vụ, niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ. Điểm Bưu điện văn hóa xã cung cấp các dịch vụ: Nhận gửi, chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện đáp ứng yêu cầu theo Quy định tại Quyết định số 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ 100% các ấp trên địa bàn xã đều có hạ tầng kỹ thuật viễn thông, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất và di động mặt đất, dịch vụ truy cập internet băng rộng cố định mặt đất và di động mặt đất. Chất lượng dịch vụ viễn thông, internet đáp ứng các Quy chuẩn: QCVN

35:2011/BTTTT, QCVN 34:2014/BTTTT, QCVN 81:2014/BTTTT, QCVN 36:2015/BTTTT.

+ Xã có Đài Truyền thanh hữu tuyến do UBND xã thiết lập, trực tiếp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị và kinh phí thực hiện. 100% ấp trên địa bàn xã đều có hệ thống loa hoạt động, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền của địa phương.

+ Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; 100% cán bộ, công chức xã được cấp hộp thư điện tử công vụ và sử dụng hộp thư điện tử công vụ để giải quyết công việc. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai liên thông từ tỉnh đến xã; tỷ lệ máy tính/số cán bộ, công chức đạt trên 2/3. Máy tính của cơ quan Đảng, HĐND và UBND xã đều được kết nối internet băng rộng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông: Đạt.

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định đạt $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Nhà ở xã Vĩnh Hải chủ yếu dọc theo tuyến Quốc lộ nam sông hậu, đường Huyện 43, ấp Âu Thọ A, Trà Sết... giai đoạn trước khi thực hiện Chương trình toàn xã có 962 căn nhà tạm, dột nát, chiếm 21% và chỉ có 2.516 căn nhà đạt chuẩn, chiếm tỉ lệ 55%. Từ Chương trình 167 hỗ trợ nhà cho hộ nghèo, và từ các chương trình khác luôn được UBND xã quan tâm thực hiện tốt.

- Các nội dung đã thực hiện: Xóa 965 căn nhà tạm, dột nát; thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đối với gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo để xây dựng nhà ở đạt chuẩn theo quy định.

- Khối lượng thực hiện:

- + Trên địa bàn xã hiện không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- + Số hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định trên địa bàn xã Vĩnh Hải là 3.875 hộ, đạt tỷ lệ 74,52%.
- Kinh phí đã thực hiện: 6 tỷ 745 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Đạt.

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt ≥ 50 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật công nghệ sản xuất theo quy định GAP, VietGAP, GlobalGAP,... trên cây trồng là một hướng đi sáng suốt mang lại hiệu quả bền vững về mặt năng suất, chất lượng và khả năng tiêu thụ trên thị trường. Tận dụng từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, vốn vay triển khai thực hiện các mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị. Tập trung theo dõi, chỉ đạo các giải pháp nuôi tôm bền vững, quản lý nuôi tôm nước lợ theo khung mùa vụ.

- Các nội dung đã thực hiện: Hàng năm phối hợp tuyên truyền chuyển giao ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện các đề tài, dự án đã được công nhận như: sản xuất củ hành tím an toàn, sản xuất hành tím theo qui trình GlobalGAP, trồng rau trong nhà lưới... Hướng cho bà con sản xuất những sản phẩm theo nhu cầu của thị trường.

- Khối lượng thực hiện: Qua kết quả điều tra trên địa bàn xã, mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã năm 2020 đạt 53,5 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt.

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 của xã $\leq 4\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND thị xã chỉ đạo và giao chỉ tiêu đầu năm về đăng ký thoát nghèo, mỗi quý rà soát đánh giá số hộ thoát nghèo trên địa bàn từng xã. Đồng thời thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các đối tượng chính sách xã hội, người có công trong các dịp, lễ tết.

- Các nội dung đã thực hiện: Ngân hàng chính sách xã hội đã phát vay cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo vay vốn để đầu tư sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, nhằm tăng thu nhập thoát nghèo bền vững.

- Khối lượng thực hiện: Qua rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và họp bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo của các ấp trên địa bàn xã Vĩnh Hải, hiện nay tổng số hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều trên địa bàn xã là 186 hộ, chiếm tỷ lệ 3,82% trên tổng số hộ của toàn xã.

- Kinh phí đã thực hiện: 2 tỷ 221 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 11 về Hộ nghèo: Đạt.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xác định ngành nghề chủ yếu của địa phương nhằm định hướng cho người dân phát triển bền vững, đẩy mạnh đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, khuyến khích, mời gọi đầu tư.

- Các nội dung đã thực hiện: Đầu tư thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ đa thành phần, xây dựng khu sản xuất tôm giống chất lượng cao tại ấp Huỳnh Kỳ, xây dựng khu văn hóa tín ngưỡng Hồ Bể và chùa Quan âm - Đông Hải, Điện gió, đã giải quyết việc làm tại chỗ cho người dân tại địa phương.

- Khối lượng thực hiện: Qua kết quả điều tra trên địa bàn xã, tổng số người trong độ tuổi lao động là 1.351 người; trong đó số người có việc làm thường xuyên là 1.232 người, chiếm tỷ lệ 91,19%.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm: Đạt.

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có Hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tập trung vận động nạo vét các công trình thủy để phục vụ cho sản xuất; tận dụng nạo vét kênh rạch, nâng cao và cải tạo đất phù sa trồng màu dọc theo các bờ kênh, bờ ao và trồng cây ăn trái trong khuôn viên đất dân; khuyến khích thực hiện kinh tế gia đình, là kinh tế phụ. Vận động hộ nông dân thực hiện sản xuất theo mô hình kinh tế tổng hợp. Tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về ý thức bảo vệ môi trường, nhất là bảo vệ nguồn nước phục vụ sản xuất; kiên quyết không thải bùn ra sông, rạch gây ô nhiễm môi trường.

- Các nội dung đã thực hiện: Phát triển ngành trồng trọt theo hướng tăng cường cho thâm canh, tăng năng suất, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của từng sản phẩm, đẩy mạnh phát triển cây màu có giá trị, đa dạng hóa các loại cây ăn quả với các loại cây trồng có sự đảm bảo về thị trường tiêu thụ và sức mạnh cạnh tranh cao, xây dựng các vùng chuyên canh gắn với các cơ sở chế biến; Các cây trồng chính sẽ tập trung phát triển gồm có: hành tím, cây thuốc cá, rau đậu các loại và cây màu lương thực. Tận dụng diện tích bỏ hoang, khuyến khích các gia đình trồng màu và cây ăn trái chủ yếu phục vụ tại chỗ; Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại VAC, gắn với xây hầm Biogas; Sử dụng biogas để sản xuất điện, khí đốt phục vụ sinh hoạt gia đình. Tổ chức tốt các dịch vụ đầu vào, đầu ra

cho sản phẩm thủy sản nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác phát triển sản xuất ổn định, hiệu quả; Tổ chức cung ứng giống sạch bệnh, vật tư sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có chất lượng, tránh việc mua bán hàng giả kém chất lượng gây tổn thất cho nông dân; Phổ biến ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp - nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi.

- Khối lượng thực hiện:

+ Trên địa bàn xã Vĩnh Hải có Hợp tác xã Thanh long Hoàng Vũ, tuy mới thành lập nhưng bước đầu Hợp tác xã đem lại hiệu quả nhất định cho thành viên và hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012. Hợp tác xã có 13 thành viên, tổng vốn điều lệ 26 triệu đồng, diện tích 9,2 ha. Ngành nghề đăng ký hoạt động là sản xuất thanh long, thu mua sản phẩm thanh long, dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp. Hợp tác xã có liên kết với các đại lý, cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và ký hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ đầu ra với Công ty TNHH Thạch Võ, giá mua ổn định, không thấp hơn giá thị trường mang lại hiệu quả cho thành viên.

+ Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản đảm bảo bền vững: Hành tím là đặc sản của tỉnh Sóc Trăng, là loại cây màu truyền thống của Vĩnh Châu nói chung, xã Vĩnh Hải nói riêng. Hành tím Vĩnh Châu gắn liền với đời sống người dân nơi đây. Theo Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh Sóc Trăng, hành tím là một trong những đối tượng được lựa chọn để quy hoạch vùng sản xuất tập trung và triển khai xây dựng mô hình chuỗi giá trị sản xuất. Trong thời gian qua được các ngành chức năng của tỉnh hỗ trợ, người dân Vĩnh Hải áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất hành tím theo tiêu chuẩn Global GAP, trồng hành tím bón lót bằng phân hữu cơ, ... đã và đang triển khai các nghiên cứu nhằm đa dạng hóa các sản phẩm từ hành tím, nâng cao giá trị cho củ hành tím Vĩnh Châu. Hành tím Vĩnh Châu đã được Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định cấp giấy Chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00075 cho sản phẩm.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất: Đạt.

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt $\geq 80\%$.

- Có tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt $\geq 25\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Với sự quan tâm sâu sát của Ban Chỉ đạo phổ cập thị xã, Ban Chỉ đạo phổ cập xã tích cực vận động trẻ trong độ tuổi

ra lớp, nâng cao chất lượng giáo dục và được công nhận là xã đạt chuẩn Phổ cập giáo dục - Xóa mù chữ.

- Các nội dung đã thực hiện: Đưa đội ngũ CB-GV tham gia học tập các lớp trên chuẩn, tuyên truyền trong nhân dân về lợi ích trình độ học vấn, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về cơ sở vật chất cho đội ngũ giáo viên đứng lớp, kịp thời giúp đỡ những trường hợp nghỉ học, bỏ học do gia đình khó khăn; phát động rộng rãi phong trào học nghề, lập thân, lập nghiệp nhất là lực lượng trẻ. Để chuyển đổi cơ cấu lao động, nhu cầu đào tạo nghề; tổ chức nhiều dạng tập huấn, bồi dưỡng tay nghề, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về sản xuất cho nông dân áp dụng; tổ chức các lớp tập huấn trang bị kiến thức về quản lý kinh tế trang trại, điều hành sản xuất cho chủ nhiệm HTX, tổ hợp tác và các chủ trang trại..

- Khối lượng thực hiện:

+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp đạt 98,07%; tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 98,11%; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 98,11%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 85,71%; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 88,55%; tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 đạt 99,66%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt 81,44%.

+ Tổng số lao động trong độ tuổi có việc làm trên địa bàn xã hiện nay là 14.406 người, trong đó tổng số lao động có việc làm qua đào tạo là 3.621 người, chiếm tỷ lệ 25,14%.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo: Đạt.

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên.
- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.
- Có tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt $\leq 20,5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tuyên truyền vận động nhân dân về quyền và lợi ích của Bảo hiểm y tế cũng như Luật Bảo hiểm y tế, để mọi người hiểu biết cùng tham gia.

- Các nội dung đã thực hiện: Duy trì và khuyến khích người dân tham gia các hình thức bảo hiểm để việc chăm sóc sức khỏe người dân được tốt hơn; bồi dưỡng kiến thức, phương pháp tiếp cận tuyên truyền cho mạng lưới cán bộ dân số xã, ấp; vận động các cặp vợ chồng trong diện tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai; thực hiện tốt công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em; vận

động nhân dân ăn chín, uống sôi, vệ sinh nơi ở đảm bảo trong lành; bảo vệ môi trường trong sản xuất và khu vực dân cư; đảm bảo thuốc thiết yếu để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân và duy trì vườn thuốc nam mẫu; thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia trên địa bàn; phát huy và duy trì hiệu quả các nội dung 10 chuẩn Quốc gia về y tế; quy hoạch đào tạo cán bộ về chuyên môn, đặc biệt là Bác sĩ và cán bộ tổ y tế.

- Khối lượng thực hiện:

- + Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế trên địa bàn xã đạt 100%.
- + Xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2019.
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 20,02%.

- Kinh phí đã thực hiện: 306 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 15 về Y tế: Đạt.

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có từ 70% ấp trở lên đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định tại thời điểm đề nghị công nhận đạt tiêu chí.

- Tỷ lệ ấp đạt chuẩn “Ấp văn hóa nông thôn mới” $\geq 30\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Vận động Ban quản trị các Chùa, Miếu bảo quản tốt nét đặc thù vốn có; vận động thực hiện nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội; giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương (sinh hoạt lễ hội Miếu, Chùa có tính hướng thiện, đoàn kết cộng đồng), nâng cấp, mở rộng di tích lịch sử, bia truyền thống để giáo dục thế hệ trẻ tự hào về truyền thống cách mạng của quê hương.

- Các nội dung đã thực hiện: Tổ chức trồng cây xanh ở điểm sinh hoạt cộng đồng (nhà văn hóa ấp, trường học, cụm tuyến dân cư) và vận động mỗi gia đình tận dụng đất thổ cư trồng cây ăn trái, cải tạo vườn tạp trồng cây lấy gỗ vừa tạo mỹ quan, vừa có ích về kinh tế, sức khỏe và môi trường; xây dựng mỗi điểm, tuyến dân cư, mỗi tổ nhân dân tự quản một số hình ảnh mẫu về gia đình sản xuất giỏi, vợ chồng thuận thảo, bình đẳng, nuôi con khỏe, dạy con ngoan; xã hội hóa từng bước các hoạt động văn hóa, thể thao; thực hiện việc đưa pháp luật đến từng hộ dân thông qua các đoàn thể, tổ nhân dân tự quản.

- Khối lượng thực hiện: 06/08 ấp được công nhận “Ấp văn hóa”, đạt tỷ lệ 75% và 03/08 ấp được công nhận “Ấp văn hóa nông thôn mới”, đạt tỷ lệ 37,5%.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 16 về Văn hóa: Đạt.

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định đạt $\geq 95\%$ (trong đó có $\geq 65\%$ nước sạch).
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.
- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.
- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch:
 - + Mỗi xã hoặc liên xã có quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp tập quán của địa phương (trừ nơi có tập quán an táng không ở nghĩa trang); có hình thức táng phù hợp tập quán của địa phương;
 - + Không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng trên phạm vi địa bàn xã.
- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) đạt $\geq 70\%$.
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt $\geq 70\%$.
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hệ thống nước sạch được đầu tư xây dựng hàng năm, tận dụng các chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án để lắp đặt đồng hồ nước cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình neo đơn...; tuyên truyền cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đăng ký và cam kết đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; phát động phong trào thi đua trong từng ấp về thực hiện tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu; tuyên truyền sâu rộng trong dân về an toàn và vệ sinh thực phẩm bằng nhiều hình thức như phát thanh, tờ bướm, tuyên truyền miệng...

- Các nội dung đã thực hiện: Trên địa bàn xã hiện nay không có hộ dân sử dụng nước sông, kênh, rạch hay ao, hồ trong việc tắm - rửa, giặt - giũ hay trong ăn - uống; 100% cơ sở thực hiện phân loại, thu gom, xử lý chất thải (nước thải, khí thải chất thải rắn) và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường. 100% cơ sở nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đã cam kết và theo quy định của pháp luật. 100% các hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã đều nằm trong quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu phê duyệt; không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định;

không có trường hợp xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông, ven biển; không có trường hợp phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

- Các cơ sở nuôi thủy sản chủ yếu là nuôi hộ gia đình, cá nhân có diện tích dưới 05 ha nên được miễn thực hiện thủ tục đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, các cơ sở này vẫn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định. Trên địa bàn xã hiện không có các làng nghề. Hằng năm, xã đều xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương; triển khai và phối hợp với các ngành có liên quan trồng cây xanh (gồm cây bóng mát, cây cảnh, hoa, v.v...) dọc theo các tuyến lộ, các điểm trường, khu trung tâm xã và nhà sinh hoạt cộng đồng các ấp. Việc trồng cây phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và đảm bảo không ảnh hưởng đến an toàn giao thông, không làm hư hại đến các công trình của nhân dân và các công trình công cộng.

- UBND xã Vĩnh Hải đã phối hợp với các ngành có liên quan và tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ cấp trên để xây dựng 02 lò hỏa táng tại 02 điểm chùa là chùa Trà Sết và chùa Prolean. Bên cạnh đó, trên địa bàn xã còn có 02 vị trí được quy hoạch đất làm nghĩa trang lâu dài phù hợp tập quán của địa phương với tổng diện tích 4,2 ha, gồm: Nghĩa trang ấp Mỹ Thanh (ấp Mỹ Thanh) với diện tích 1,5 ha và Nghĩa trang Hoa viên tiên cảnh (ấp Huỳnh Kỳ) với diện tích 2,7 ha; 02 vị trí này hiện chưa có mộ chôn. Từ ngày 01/01/2016 đến nay, số lượng người tử vong trên địa bàn xã là 793 người; trong đó: mai táng là 429 người, hỏa táng là 364 người. Tất cả 793 lượt táng đều không để xảy ra ô nhiễm môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng.

- Hàng năm, xã đều có xây dựng phương án thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn, trong đó có nêu rõ: đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển; cách thức phân loại; tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư. Bên cạnh đó, xã còn phối hợp với Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; không để tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng hoặc phụ phẩm nông nghiệp bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường, đặc biệt là tại các khu vực trồng trọt, các nguồn nước sông, kênh, rạch... Các phụ phẩm nông nghiệp đa số được người dân tái sử dụng (làm phân bón) hoặc thu gom xử lý theo quy định, không có hiện tượng đốt ngoài đồng ruộng hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng, cản trở giao thông. Chất thải rắn y tế định kỳ hàng tuần được Trạm Y tế xã phân loại, thu gom và vận chuyển về thị xã Vĩnh Châu xử lý theo quy định.

- Hộ gia đình, cá nhân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đều cam kết thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường và quy định của địa phương về quản lý chất thải rắn, nước thải.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tổng số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn xã là 5.200 hộ, chiếm tỷ lệ 100% số hộ trên toàn xã; trong đó số hộ sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia là 3.587 hộ, chiếm tỷ lệ 68,98% (gồm: số hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 2.847 hộ và hộ sử dụng nước đóng bình, nước đóng chai trong ăn uống là 740 hộ).

+ Có 37 cơ sở sản xuất - kinh doanh, trong đó có 37 cơ sở có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định, đạt 100%

+ Các tuyến đường làng, ngõ xóm, ấp trên địa bàn xã hiện nay đều đã được bê tông hóa hoặc rải cấp phối, đảm bảo không lầy lội khi có mưa; định kỳ có tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải; trên 70% hộ đã thực hiện cải tạo vườn tạp, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh đảm bảo gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông; các khu vực công cộng trên địa bàn xã như: Chợ Vĩnh Hải, chợ Huỳnh Kỳ, Khu du lịch Hồ Bể, các điểm chùa,... không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

+ Trên địa bàn xã Vĩnh Hải hiện nay có 02 hình thức táng là mai táng và hỏa táng, đây là 02 hình thức táng tập quán của địa phương.

+ Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Hiện dọc theo các tuyến đường chính trên địa bàn xã có đội thu gom rác thải đến thu gom và vận chuyển rác đến bãi rác tập chung của thị xã Vĩnh Châu để xử lý, các hộ dân nằm trên tuyến đường xe thu góp rác không vào được thì cũng tự xử lý chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp và đốt hợp vệ sinh. Hiện nay, trên địa bàn xã hiện chưa có hệ thống tiêu thoát nước thải tập trung mà chủ yếu là hệ thống tiêu thoát nước mưa tại các điểm dân cư tập trung của xã, bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Tuy chưa có hệ thống tiêu thoát nước thải tập trung nhưng đa số các hộ gia đình đều có công trình thu gom và xử lý nước thải như bể tự hoại, hố ga lắng cặn trước khi thải ra môi trường; nước thải của các hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng.

+ Về tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ): Tổng số hộ trên địa bàn xã là 5.200

hộ; trong đó, số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) là 3.875 hộ, đạt tỷ lệ 74,52%.

+ Về tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: Tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã là 102 hộ; trong đó, số hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường là 92 hộ, chiếm tỷ lệ 90% tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn.

+ Về tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Tổng số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã Vĩnh Hải năm 2019 là 55 hộ; trong đó, số hộ gia đình và cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm là 55 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

- Kinh phí đã thực hiện: 1 tỷ 701 triệu đồng.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm: Đạt.

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định.
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.
- Có 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Cùng cố kiện toàn các chức danh cán bộ công chức xã đạt chuẩn; đào tạo nâng cao năng lực các trưởng ấp, tổ trưởng tổ nhân dân tự quản; đẩy mạnh công tác phát triển Đảng viên, có cơ chế khuyến khích con em người địa phương đã tốt nghiệp đại học về công tác tại địa phương.

- Các nội dung đã thực hiện: Xây dựng trụ sở Đảng ủy - UBND xã có đầy đủ các bộ phận làm việc, trong đó có Bộ phận một cửa, nhà làm việc cho lực lượng công an, quân sự; đầu tư trang thiết bị làm việc như bàn ghế, tủ hồ sơ, máy tính, máy photo, máy fax... Bổ sung, hoàn thiện các quy chế làm việc trong bộ máy chính quyền, các đoàn thể chính trị, quy chế làm việc của Ban chỉ ủy cơ quan xã,

quy chế dân chủ ở các ấp; nâng cao năng lực lãnh đạo điều hành của Chi bộ và Ban Nhân dân ấp.

- Khối lượng thực hiện:

+ Về tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định: Vĩnh Hải là xã loại I, theo Đề án 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Tỉnh ủy Sóc Trăng được bố trí tối đa 20 cán bộ, công chức. Hiện nay xã bố trí 20 cán bộ, công chức; trong đó có 17/20 cán bộ, công chức đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 85%, chưa đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ tin học 03 cán bộ, công chức chiếm tỷ lệ 15%.

+ Về có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Hiện nay, hệ thống tổ chức chính trị ở xã được thành lập đủ theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền, gồm: Đảng bộ xã, Chính quyền xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

+ Về Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”: Hàng năm, Đảng bộ xã Vĩnh Hải đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”.

+ Về tỷ lệ các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: Hàng năm, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) đều được các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội cấp trên đánh giá, công nhận đạt loại khá trở lên.

+ Về đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Trong năm 2019, xã Vĩnh Hải được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về Công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019.

+ Về đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Hàng năm, xã luôn làm tốt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và bảo trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực gia đình và đời sống xã hội; có xây dựng kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình và tuyên truyền rộng rãi bằng nhiều hình thức phong phú. Tỷ lệ nữ trong Ban chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Hải đạt 15% và có quy hoạch nữ vào vị trí lãnh đạo chủ chốt của xã. 100% nữ trên địa bàn xã có nhu cầu vay vốn ưu đãi đều được hỗ trợ vay từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức khác. Trên địa bàn xã Vĩnh Hải không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, không có trường hợp buôn bán người.

c) Tự đánh giá

So với yêu cầu của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Đạt.

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Chỉ đạo lực lượng Công an kết hợp chặt chẽ với lực lượng quần chúng, nắm chặt tình hình địa bàn, ngăn chặn kịp thời những tệ nạn xã hội. Đảm bảo hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc trong toàn dân, giữ vững an ninh chính trị tại địa bàn. Giải quyết 100% đơn thư từ cơ sở theo thẩm quyền; không để khiếu kiện vượt cấp, đông người.

- Các nội dung đã thực hiện: Lực lượng Công an, Quân sự và Đoàn Biên phòng thực hiện tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chặt tình hình an ninh chính trị của địa phương, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời các vướng mắc ở cơ sở, giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn; quản lý đăng ký nghĩa vụ quân sự 100% thanh niên trong độ tuổi. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, kiện toàn lực lượng dự bị động viên; đảm bảo đủ quân số, thời gian huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên.

- Khối lượng thực hiện:

+ Thực hiện tốt công tác tuyển chọn và gọi công nhân nhập ngũ năm 2019, kết quả giao quân về trên được 17 thanh niên, đạt 113,3% chỉ tiêu trên giao.

+ Hằng năm, Đảng ủy có ra Nghị quyết, UBND xã xây dựng kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Trên địa bàn không xảy ra trọng án; không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự. Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh.

c) *Tự đánh giá*

So với yêu cầu của tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh: Đạt.

II. KẾT LUẬN:

1. Về hồ sơ: Xã Vĩnh Hải đã gửi đầy đủ hồ sơ, thủ tục cần thiết trình về cấp thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nội dung đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới: Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Vĩnh Hải đã được UBND thị xã Vĩnh Châu thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Từ năm 2011 đến nay trong quá trình xây dựng nông thôn của xã Vĩnh Hải không có nợ đọng.

III. KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh xét công nhận xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Thành viên BCD thị xã;
- Lưu: VT, NC. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Thắng

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
CỦA XÃ VĨNH HẢI, THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

(Đính kèm Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2020 của UBND thị xã
Vĩnh Châu)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	100%	100%	100%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	≥50%	97,51%	97,51%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	%	Không quy hoạch		
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	%	Không quy hoạch		
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	%	80%	85%	85%

		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%	98%	98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥70%	80%	80%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%	(8/8 ấp) 100%	(8/8 ấp) 100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành		Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥70%	74,52%	74,52%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2019 (triệu đồng/người)	Triệu đồng	≥45,5	53,5	53,5
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤4%	3,82 %	3,82%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%	91,19%	91,19%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥80%	81,44%	81,44%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥25%	25,14%	25,14%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%	100%	100%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤20,5%	20,02%	20,02%
16	Văn hóa	16.1. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%	(6/8 ấp) 75%	(6/8 ấp) 75%
		16.2. Tỷ lệ ấp đạt chuẩn ấp văn hóa nông thôn mới theo quy định	%	≥30%	(3/8ấp) 37,5%	(3/8 ấp) 37,5%

17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥95% (≥65% nước sạch)	Nước hợp VS 100% (68,98% nước sạch)	Nước hợp VS 100% (68,98% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70%	74,52%	74,52%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥70%	90%	90%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%	100%	100%
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	%	≥80%	85%	85%
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%	100%	100%

		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt	Đạt	Đạt